

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ- ST**

Ngày 18/01/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113a/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm x, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Đinh Thị Thu H và anh Trần Duy B đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Duy B vào ngày 29/6/2017. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau ngày cưới vợ chồng chị về làm ăn và chung sống tại thôn K, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2021 anh Trần Duy B trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh B xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Quan điểm của anh B là tình cảm vợ chồng không còn anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh B xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018. Khi ly hôn anh nhất trí giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh B xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu H, xử cho chị Đinh Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Duy B. Giao cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018 cho chị Đinh Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh B đều xác định không có nên không xem xét. Chị Đinh Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đinh Thị Thu H và anh Trần Duy B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly

hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Duy B là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn K, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Đinh Thị Thu H và anh Trần Duy B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Thu H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H và anh B xác định: Chị H và anh B kết hôn vào năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn K, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh B cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và nhất trí ly hôn với chị H.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Đinh Thị Thu H có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Duy B nhất trí giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh B có 01 con chung là cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị H. Khi ly hôn theo đại diện của chính quyền địa phương thì nên giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế vì cháu là con gái, còn nhỏ tuổi cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018 cho chị Đinh Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh B đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Thu H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Duy B không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân

và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Trần Duy B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Duy B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thu N, sinh ngày 22/04/2018 cho chị Đinh Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001799 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Duy B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

